TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2022/HS-ST
Ngày 06/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Thanh Bình

2. Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Xuân Tuân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đ Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 143/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2022/QĐXXST - HS ngày 06 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Văn H, tên gọi khác: không; sinh năm: 1998 tại Điện Biên;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 9, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên;

Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn K và bà Bùi Thị Ng (đã chết), bị cáo chưa có vợ con. Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: Chưa bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật gì. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/01/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Phi H1 sinh năm 1997

Nơi cư trú: Số nhà 14, tổ 6, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Bạc Cầm Đ sinh ngày 22/2/2004

Nơi cư trú: Bản T, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

2. Ông Trần Anh T sinh năm 1984

Nơi cư trú: Số nhà 646, tổ 1, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Anh Trần Duy N sinh năm 2002

Nơi cư trú: Số nhà 24, tổ 14, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 24/12/2021 khi Phạm Văn H đang xem mạng xã hội Facebook trên điện thoại do Hùng mượn của anh Bạc Cầm Đ, sinh ngày 22/02/2004, trú tại bản T, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên (bạn của H) thì thấy anh Nguyễn Phi H1, sinh năm 1997, trú tại số nhà 14, tổ 6, phường M, thành phố Đ có đăng bán một chiếc điện thoại Iphone 8 Plus, màu đen với giá 5.700.000 đồng. Do có ý định chiếm đoạt điện thoại của Nguyễn Phi H1 với mục đích để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân nên Phạm Văn H đã hẹn gặp Nguyễn Phi H1 để trao đổi mua bán điện thoại. Khoảng 15 giờ ngày 25/12/2021, Phạm Văn H một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27AA-055.00 (do H mượn của Bạc Cầm Đ) từ nhà tại tổ 9, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên đến khu vực bản Ten A, xã Th, huyện Đ thì để xe mô tô tại khu vực ven đường thuộc bản Ten A rồi đi bộ ra khu vực đường đối diện cây xăng C4 thuộc xã Thanh Xương là nơi đã hẹn để gặp Nguyễn Phi H1. Khi thấy Nguyễn Phi H1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27B1 - 753.05 chở Trần Duy N, sinh năm 2002, trú tại số nhà 24, tổ 14 phường M, thành phố Đ đến thì ba người cùng đi đến quán nước thuộc bản Ten B, xã Thanh Xương để trao đổi mua bán điện thoại. Phạm Văn H giả vờ xem điện thoại, thỏa thuận giá, nhận điện thoại rồi nói dối là không chuyển được tiền qua tài khoản ngân hàng nên đã bảo Nguyễn Phi H1 chở mình về nhà để lấy tiền trả. Nguyễn Phi H1 đồng ý và giao điện thoại Iphone 8 Plus cho Phạm Văn H rồi điều khiển xe chở Phạm Văn H đi vào khu vực bản Ten A, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên. Khi đi qua một ngôi nhà đã khóa cổng thì Phạm Văn H bảo dừng xe lại, nói dối là nhà mình và bảo Nguyễn Phi H1 cho mượn chiếc điện thoại khác của Nguyễn Phi H1 để giả vờ gọi cho mẹ, sau đó trả lại Nguyễn Phi H1 chiếc điện thoại đó. Sau đó Phạm Văn H tiếp tục nói dối là mượn xe mô tô của Nguyễn Phi H1 đi đón mẹ để về nhà lấy tiền, sau khi được Nguyễn Phi H1 giao xe, Phạm Văn H cầm theo chiếc điện thoại Iphone 8 Plus điều khiển xe đi đến chỗ để xe mô tô của mình trước đó, đến nơi Phạm Văn H để lại xe mô tô biển kiểm soát 27B1 - 753.05 tại đó và lấy xe mô tô biển kiểm soát 27AA-055.00 đi đến bán điện thoại trên cho anh Trần Văn T, sinh năm 1984, trú tại Tổ 1, phường T, thành phố Điện Biên Phủ với giá 5.000.000 đồng. Sau khi bán được điện thoại Phạm Văn H đã chi tiêu hết số tiền có được. Đối với Nguyễn Phi H1 sau khi Phạm Văn H rời đi khoảng 5 phút thì có người tới Hùng hỏi và biết được nhà đó không phải là nhà của Phạm Văn H nên đã gọi điện cho Phạm Văn H, Phạm Văn H nghe máy chỉ chỗ để xe bảo đến đó chờ. Nguyễn Phi H1 đi tìm thấy chiếc xe mô tô do Phạm Văn H để tại khu vực bản Ten A, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, Nguyễn Phi H1 tiếp tục gọi cho Phạm Văn H nhiều nhưng Phạm Văn H không nghe máy. Nguyễn Phi H1 biết là bị lừa mất điện thoại nên đã trình báo cơ quan Công an về sự việc nêu trên.

Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Điện Biên đã thu giữ được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus và trả lại cho anh Nguyễn Phi H1 theo quyết định xử lý vật chứng số 10 ngày 02/01/2022. Anh Hùng đã nhận lại và không có ý kiến, yêu cầu bồi thường gì. Tại phiên toà anh Nguyễn Phi H1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ông Trần Anh T khi mua điện thoại của Phạm Văn H không biết Hùng phạm tội mà có, ông T đề nghị buộc bị cáo phải trả cho ông T số tiền 5.000.000 đồng đã bỏ ra mua điện thoại, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Anh Bạc Cầm Đ là người cho bị can mượn điện thoại và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27AA-055.00 nhưng không biết Hùng thực hiện hành vi phạm tội. Anh Đ không có yêu cầu, đề nghị gì.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá, kết luận điều tra của cơ quan điều tra và cáo trạng của Viện kiểm sát.

Tại bản cáo trạng số 62/CT-VKSĐB ngày 07/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo: Phạm Văn H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 174; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Căn cứ điều 48 Bộ luật hình sự các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải trả cho ông Trần Anh T số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết lỗi, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

Ngày 25/12/2022 tại bản Ten B, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên Phạm Văn H đã có hành vi dùng lời nói gian dối để chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Phi H1 là một chiếc điện thoại Iphone 8 Plus có giá trị 5.220.000 đồng, mục đích để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo đã được chứng minh qua lời khai của bị cáo, bị hại tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, tại bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi trên của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bị cáo có tội. Bị cáo Phạm Văn H đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên đã truy tố.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi trên của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội có tính chất ít nghiêm trọng, nhưng gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo; nhằm thể hiện tính nghiêm minh, nghiêm khắc và răn đe của pháp luật với tội phạm và những hành vi vi phạm pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, đủ sức răn đe đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề xuất cho bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự người phạm tội còn có thể bị phạt bổ sung. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn và không có tài sản gì có giá trị, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là đối với bị cáo.

[4]. Về vật chứng vụ án: Việc trả lại tài sản của Cơ quan điều tra tại quyết định xử lý vật chứng số 10 ngày 02/01/2022 là đúng qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 47 bộ luật Hình sự, điểm b khoản 3 điều 106 bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận việc trả vật chứng này.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Anh T yêu cầu Tòa án buộc bị cáo có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 5.000.000 đồng đã bỏ ra mua điện thoại của bị cáo, bị cáo nhất trí trả và không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ các điều 122, 123, 127, 131 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của ông T, buộc bị cáo phải trả cho ông T số tiền trên vì: Giao dịch giữa bị cáo và ông T là giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm luật và do bị lừa dối. Bị cáo biết rõ mình không có quyền định đoạt đối với tài sản của người khác mà vẫn đem bán, pháp luật không cho phép người không phải chủ sở hữu tài sản được quyền bán tài sản của người khác khi không được uỷ quyền. Mặt khác, bị cáo đã cố ý đưa ra thông tin chiếc điện thoại là của bị cáo làm cho ông T tin tưởng là thật nên đã xác lập giao dịch đó. Hội đồng xét xử căn cứ điều 357, 468 Bộ luật Dân sự xác định nghĩa vụ chậm trả của bị cáo đối với ông T. Đại diện Viện kiểm sát viện dẫn căn cứ pháp lý để buộc bị cáo phải trả cho ông T số tiền 5.000.000 đồng là điều 48 Bộ luật hình sự, các

Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự là không phù hợp bởi lẽ: Hành vi bán điện thoại cho ông T của bị cáo không phải là hành vi phạm tội mà là giao dịch dân sự có tài sản liên quan đến hành vi phạm tội. Trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với ông T phát sinh từ giao dịch dân sự mua bán tài sản, ông T và bị cáo đều đủ năng lực hành vi dân sự, trực tiếp thoả thuận việc mua bán với nhau trên cơ sở tự nguyện mặc dù chủ thể và đối tượng mua bán không được pháp luật cho phép. Ông T tự chủ, tự nguyện giao tiền cho bị cáo, bị cáo không chiếm đoạt tài sản của ông T. Do đó trách nhiệm dân sự phải căn cứ và các quy định liên quan đến giao dịch dân sự để giải quyết. Mặt khác, hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản chỉ được bị cáo thực hiện đối với bị hại anh Nguyễn Phi H1 chứ không lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông T. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo chỉ chiếm đoạt tài sản của bị hại, tội phạm được hoàn thành ngay sau khi bị cáo đã lấy được tài sản từ bị hại. Số tiền này không phải là thiệt hại do hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản gây ra. Cho nên không thể viện dẫn căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự xác định định bị cáo chiếm đoạt tài sản của ông T trong việc buộc trả lại số tiền đã bỏ ra mua điện thoại mà phải căn cứ các điều 122, 123, 127, 131 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo thực hiện trách nhiệm dân sự mới chính xác.

Anh Nguyễn Phi H1 và anh Bạc Cầm Đ đã nhận lại các tài sản của mình, không có yêu cầu, đề nghị gì về nen hội đồng xét xử không đề cập.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 6 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[7]. Về các vấn đề khác có liên quan: Ông Trần Anh T mua tài sản của các bị cáo nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có, anh Bạc Cầm Đ cho bị cáo mượn điện thoại và xe nhưng không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên ông T, anh Đ không vi phạm pháp luật.

[8]. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Điện Biên; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người này đều đảm bảo tính hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 điều 47, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điểm b khoản 3 điều 106, khoản 2 Điều 136, các khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 122, 123, 127, 131, 357, 468 Bộ luật dân sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 6 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 01/01/2022).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Chấp nhận việc xử lý vật chứng tại quyết định xử lý vật chứng số 10 ngày 02/01/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Điện Biên.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn H phải trả cho ông Trần Anh T 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày trong thời hạn kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát huyện ĐB;
- Viện kiểm sát tỉnh Điện Biên;
- Công an huyện ĐB;
- Chi cục Thi hành án DSHĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Nhà tạm giữ CAHĐB;
- Sở tư pháp tỉnh ĐB;
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Ngọc